TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/DS-ST
Ngày: 24 - 01 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quốc Dũng.

2. Ông Huỳnh Văn Nam

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố L.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên toà: Không.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số211/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 436/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng S.

Trụ sở: Số 266-268 đường N, Phường 8, Quận 3, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D– Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh S– Giám đốc Ngân hàng S - Chi nhánh A (Giấy ủy quyền số 1186/2020/GUQ-PL ngày 07/05/2020 của Tổng Giám đốc Ngân hàng S).

Ông Huỳnh Hùng K – Phó Phòng cá nhân - Chi nhánh A (Giấy ủy quyền ngày 25/12/2020 của Giám đốc Ngân hàng S - Chi nhánh A).

Địa chỉ chi nhánh: Số 33 đường T, phường M, thành phố L, tỉnh A.

2. Bị đơn: Ông Trần Anh H, sinh năm 1983.

Địa chỉ thường trú: Số 142/18 hẻm T, Tổ 6, khóm 4, phường M, thành phố L, tỉnh A.

(Ông K có đơn xin vắng mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày:

Giữa Ngân hàng S (sau đây được viết tắt là ngân hàng) và ông Trần Anh H đã ký kết hợp đồng tín dụng Hợp đồng tín dụng số LD1809000003 ngày 02/04/2018 cho vay số tiền 120.000.000 đồng mục đích tiêu dùng, lãi suất cho vay là 7,1%/năm áp dụng 03 tháng đầu tiên, tại thời đểm bắt đầu của tháng thứ 4 kể từ ngày ký hợp đồng lãi suất cho vay được áp dụng theo mức lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng cộng với biên độ 0,2%/năm, điều chỉnh 03 tháng/ lần phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà Nước về lãi suất cho vay. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, thời gian vay là 60 tháng. Ông H thanh toán vốn và lãi vay đến ngày 04/12/2019 thì ngưng. Tính đến ngày 24/01/2022 ông H nợ lại ngân hàng số tiền vốn 80.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 24/01/2022 là 45.727.667 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 38.567.003 đồng, lãi quá hạn là 15.242.556 đồng).

Nay Ngân hàng S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Anh H có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền 125.727.667 đồng (Trong đó vốn vay là 80.000.000 đồng, lãi trong hạn là 38.567.003 đồng, lãi quá hạn là 15.242.556 đồng). Yêu cầu tiếp tục tính lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng tín dụng số LD1809000003 ngày 02/04/2018 từ ngày xét xử đến khi thanh toán xong nợ gốc.

* Bị đơn ông Trần Anh H đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đến nay vẫn không nộp văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

** Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Hùng K có đơn yêu cầu được vắng mặt.

Bị đơn ông Trần Anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố L theo khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Trần Anh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Số 142/18 hẻm T, Tổ 6, khóm 4, phường M, thành phố L, tỉnh A nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố L theo điểm a khoản 3 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sau khi nhận được quyết định hoãn phiên tòa, ông Huỳnh Hùng K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn nộp cho Tòa án với nội dung đề nghị xét

xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng S.

[1.4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp và niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho ông Trần Anh H theo qui định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân Sự. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Giữa Ngân hàng S (sau đây được viết tắt là ngân hàng) và ông Trần Anh H đã ký kết hợp đồng tín dụng Hợp đồng tín dụng số LD1809000003 ngày 02/04/2018 cho vay số tiền 120.000.000 đồng mục đích tiêu dùng, lãi suất cho vay là 7,1%/năm áp dụng 03 tháng đầu tiên, tại thời đểm bắt đầu của tháng thứ 4 kể từ ngày ký hợp đồng lãi suất cho vay được áp dụng theo mức lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng cộng với biên độ 0,2%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà Nước về lãi suất cho vay. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, thời gian vay là 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng. Tính đến ngày 24/01/2022 ông H nợ lại ngân hàng số tiền vốn 80.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 24/01/2022 là 45.727.667 đồng. Do bị đơn là ông H vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng S yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông H có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền vốn chưa thanh toán của hợp đồng hợp đồng tín dụng số LD1809000003 ngày 02/04/2018 là 80.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng tín dụng số LD1809000003 ngày 02/04/2018 thể hiện dưới hình thức văn bản, dựa trên sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân hàng S – chi nhánh tỉnh A và bên vay là ông Trần Anh H. Hợp đồng tín dụng nêu trên đều đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn vay, lãi suất, thời gian trả nợ gốc và lãi, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; bên vay… đúng theo quy đinh tại Điều 466, Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng.

- Về yêu cầu tính lãi: Ngân hàng S yêu cầu ông Trần Anh H ngoài khoản nợ gốc 80.000.000đ phải trả cho ngân hàng còn phải thanh toán số tiền lãi phát sinh từ ngày 05/12/2019 đến ngày xét xử 24/01/2022 là 45.727.667 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 38.567.003 đồng, lãi quá hạn là 15.242.556 đồng). Yêu cầu tiếp tục tính lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng tín dụng số LD1809000003 ngày 02/04/2018 từ ngày xét xử đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Hội đồng xét xử căn cứ vào căn cứ hợp đồng tính dụng số LD1809000003 ngày 02/04/2018, Phụ lục các điều khoản chung đính kèm hợp đồng tín dụng, Bảng kê tính lãi ngày 24/01/2022 của ngân hàng S – chi nhánh tỉnh A và Giấy nhận nợ ngày 02/4/2018 của ông Trần Anh H thì ông Hiền vi phạm nghĩa vụ bên vay đối với ngân hàng vào ngày 05/12/2019. Từ ngày 05/9/2019 đến 24/01/2022 hợp đồng

vay của ông H chuyển nợ quá hạn với mức lãi suất 1.75%/tháng (150% lãi suất cho vay trong hạn).

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S số tiền lãi tạm tính đến ngày 24/01/2022 là 45.727.667 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 38.567.003 đồng, lãi quá hạn là 15.242.556 đồng).

[3] Về án phí:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 262, khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ Luật dân sự;

Điều 91 Luật tổ chức tín dụng;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

Buộc ông Trần Anh H phải trả cho Ngân hàng S số tiền 125.727.667đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Ông H còn phải trả lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc 80.000.000 đồng tính từ ngày 25/01/2022 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong hợp đồng tín dụng số LD1809000003 ngày 02/04/2018.

2. Án phí:

Ngân hàng S được nhận lại 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000629 ngày 21/10/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố L (do Ngân hàng S chi nhánh A nhận thay).

Ông Trần Anh H phải nộp 6.2836.383 đồng (Sáu triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh A;
- VKSND TP. L;
- Chi cục THADS TP. L;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Minh Trang